

BÀN VỀ TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU MẠNG LƯỚI XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN ĐỨC CHIẾN

Nghiên cứu về mạng lưới xã hội là chủ đề kinh điển trong xã hội học. Cho đến nay, các nghiên cứu nước ngoài đã có nhiều đóng góp về lý luận và phương pháp đo lường mạng lưới xã hội ở các cấp độ khác nhau. Việt Nam là quốc gia đang phát triển, các loại hình mạng lưới xã hội phát triển rất đa dạng, nhất là ở các cộng đồng nông thôn. Tuy vậy, tiếp cận nghiên cứu về mạng lưới xã hội mới chỉ được quan tâm trong những thập kỷ gần đây.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội nông thôn Việt Nam đang thay đổi nhanh chóng do tác động của quá trình Đổi mới và hội nhập quốc tế. Mấu chốt tạo ra sự thay đổi đó là các định chế Nhà nước đã rút dần vai trò kiểm soát để tạo cơ hội cho các thiết chế xã hội phát triển xuất phát từ thực tiễn. Ngày nay ở nông thôn, các cá nhân, nhóm xã hội có nhiều cơ hội chủ động trong việc tìm kiếm và thiết lập các tương tác, trao đổi khác nhau trong đời sống xã hội. Ở khắp mọi nơi, từ nông thôn miền Bắc đến nông thôn miền Nam, người ta đang chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của các loại hình tổ chức xã hội, nói chính xác hơn là

các mạng lưới trao đổi xã hội với quy mô, cấp độ và loại hình khác nhau. Điều lý thú nhất của tình hình này là đã kích thích động lực phát triển của các cá nhân, nhóm xã hội và tạo ra môi trường phát triển sống động trong cộng đồng xã hội nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, sự hồi sinh, phát triển các mạng lưới và trao đổi xã hội ở nông thôn hiện nay cũng đang nảy sinh nhiều vấn đề và có thể dẫn đến nhiều hệ lụy xã hội (phân hóa xã hội, liên kết cục bộ, bè phái, triệt tiêu sáng tạo cá nhân,...). Điều này không chỉ có tác động trước mắt mà còn ảnh hưởng lâu dài đến quá trình hiện đại hóa, ổn định và phát triển bền vững nông thôn mà Đảng và Nhà nước ta đang rất quan tâm.

Dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp trong và ngoài nước, với phương pháp tổng quan và phân tích, bài viết đề cập đến một số đóng góp trong tiếp cận nghiên cứu mạng lưới xã hội trên thế giới, đồng thời đánh giá kết quả đạt được trong nghiên cứu mạng lưới và trao đổi xã hội ở nông thôn nước ta những thập niên vừa qua, cuối cùng bài viết cũng đưa ra một số bàn luận nhằm đóng góp cho hướng tiếp cận nghiên cứu mạng lưới xã hội ở các cộng đồng nông thôn Việt Nam trong quá trình chuyển đổi nhanh và hội nhập sâu rộng ra thế giới bên ngoài.

2. ĐÓNG GÓP CỦA HỌC GIẢI NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU MẠNG LƯỚI XÃ HỘI

Thuật ngữ “mạng lưới xã hội” (social network) nói đến các cá nhân - những người liên hệ với nhau bởi một hay nhiều mối quan hệ, từ đó hình thành nên một mạng lưới xã hội (Marshall, 356, tr. 40). Vào những thập niên 1940, J.I. Moreno đề xuất đưa mô hình lý thuyết đồ thị trong toán học vào để đo lường quan hệ xã hội của một nhóm người (...). Nhiều công trình nghiên cứu về mạng lưới xã hội trong thời gian này tập trung vào các nhóm nhỏ và cấu trúc thiết chế, mô tả các điểm riêng biệt và những hình thức cố kết (tìm kiếm phe nhóm) (Dẫn theo Marshall, 2010, tr. 356).

Sau thập niên 1950, việc nghiên cứu mạng lưới xã hội tập trung nhiều hơn vào những đặc trưng cấu trúc, như các “cầu nối” (những người hình thành mối liên kết duy nhất giữa

những nhóm được cố kết chặt chẽ với nhau), các cân bằng (khuyh hướng của những nhóm cố kết cao đi đến sự phân cực), và những định nghĩa được xác định rõ ràng hơn về phe nhóm. Thập niên 1960 và sau đó, phân tích mạng lưới xã hội tiếp tục chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của xã hội học toán học và mang tính lý thuyết nhiều hơn.

Đến thập niên 1970, Mark Granovetter (1973) trong các nghiên cứu của ông đã phát hiện tầm quan trọng của các liên kết yếu và liên kết mạnh. Ông cho rằng các liên kết mạnh là các liên kết gần gũi giữa những cá nhân tương đương nhau như các bạn bè thân thiết, trong khi các liên kết yếu là các quan hệ quen biết. Ông đã đưa ra một luận điểm nổi tiếng chính là các liên kết yếu có nhiều tiềm năng bị khuyết thiếu và nhấn mạnh nhiều hơn tới sức mạnh của các liên kết yếu.

Nghiên cứu và phân tích về mạng lưới xã hội được phát triển mạnh hơn trong giới nhân học và xã hội học phương Tây vào thập niên 1980, với các tác giả tiêu biểu Bourdieu và Coleman. Bourdieu – nhà xã hội học - nhân học người Pháp, trong các nghiên cứu đã đề cập mạng lưới lâu bền bao gồm các mối liên hệ quen biết nhau và nhận ra nhau, những mối liên hệ này ít nhiều đã được định chế hóa. Ông cho rằng mạng lưới xã hội của một tác nhân cụ thể nào đó phụ thuộc vào mức độ liên hệ rộng hay hẹp mà anh ta có thể huy động được trong thực tế, và vào khối lượng vốn (vốn kinh tế, vốn văn hóa hay vốn biểu tượng) của từng người mà anh ta có

liên hệ (Bourdieu, 1986, tr. 248-249). Nhà xã hội học người Mỹ Coleman có quan niệm về mạng lưới xã hội khác với Bourdieu. Theo Coleman các mạng lưới xã hội, các chuẩn mực, và sự tin cậy trong xã hội là những cái giúp cho các thành viên có thể hành động chung với nhau một cách có hiệu quả nhằm đạt tới những mục tiêu chung (Coleman, 1988).

Cùng thời gian này, quan điểm của hai nhà nghiên cứu Wellman và Berkowitz cũng cho rằng mạng lưới xã hội là khái niệm chỉ các điểm nút và những kết nối giữa các điểm nút đó. Những điểm nút ở đây là các cá nhân hành động và các kết nối là quan hệ giữa các cá nhân đó. Nói cách khác, mạng lưới xã hội bao gồm các cá nhân thành viên và những liên kết giữa các cá nhân thành viên (Wellman và Berkowitz, 1988, tr. 4).

Vào những năm cuối của thập niên 1990, Putnam - nhà chính trị học người Mỹ tiếp tục quan tâm và phát triển quan điểm về mạng lưới xã hội. Theo ông "Các đặc trưng của đời sống xã hội - các mạng lưới, các chuẩn mực và sự tin tưởng là những cái cho phép người ta hành động với nhau một cách hiệu quả hơn nhằm theo đuổi các mục đích được chia sẻ (Putnam, 1995, tr. 664-665). Chịu ảnh hưởng nhiều từ Granovetter, tác giả Woolcock (1998) cũng lặp lại cách phân chia của Granovetter bằng cách đối lập các liên kết bên trong cộng đồng mà ông gọi là "hội nhập" (nghĩa là cố kết), với mạng lưới bên ngoài

cộng đồng mà ông gọi là "liên kết" (nghĩa là bắc cầu).

Có thể nói, các học giả phương Tây không chỉ có công khởi xướng trào lưu nghiên cứu, áp dụng quan điểm mạng lưới xã hội để phân tích các quan hệ trao đổi và mạng xã hội, mà còn chỉ ra những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của tương tác trong mạng lưới xã hội đối với sự phát triển cá nhân và xã hội. Dưới đây chúng tôi tiếp tục làm rõ những ảnh hưởng này.

Ảnh hưởng tích cực của mạng lưới xã hội

Phát triển xã hội dân sự: Tác động của mạng lưới xã hội tới sự phát triển xã hội dân sự được thể hiện trong các nghiên cứu của Putnam khi ông quan tâm tới mối quan hệ gắn kết giữa công dân. Ông đã phân tích bài học từ Italia và nhận xét rằng vốn xã hội biểu hiện ở sự cam kết công dân là công cụ để hướng đến sự thịnh vượng về kinh tế ở nhiều cấp độ. Ông cũng đã tổng kết và cho rằng sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng trong các quốc gia Đông Á có vai trò quan trọng của các mạng lưới xã hội đậm đặc dựa trên các gia đình mở rộng hoặc các cộng đồng dân tộc gắn bó (Putnam (1997, tr. 212).

Ở Châu Á, một nghiên cứu khác của Lee Jae-yeol (2008, tr. 240) về quan hệ xã hội của người Hàn Quốc từ truyền thống đến hiện đại đã phân tích một cách tường tận các đặc trưng quan hệ xã hội của người Hàn hiện đại, từ chủ nghĩa cá nhân, khoảng cách quyền lực khá lớn, tính thứ bậc

trong nội bộ tập đoàn lớn, tính bẽ phái cho tới tính minh bạch của quy tắc xã hội... Kết luận của tác giả là giao kết mạng lưới quan hệ xã hội có ảnh hưởng đến sự hình thành xã hội dân sự ở Hàn Quốc trong quá trình phát triển và hiện đại hóa đất nước.

Hòa hợp cộng đồng: Đề cập vai trò của mạng lưới xã hội đến sự hòa hợp của cộng đồng, Krishna (2002) (dẫn theo Alejandro Portes, 2003) cho rằng các xung đột có thể được giải quyết tốt nơi có các hội đồng làng xã truyền thống làm trung gian tạo ra sự gắn kết mạng lưới. Các hội đồng này tạo ra sự khác biệt mang tính hệ thống giữa các làng hòa bình và các làng có thiên hướng bạo lực. Woolcock (1998) cũng chứng minh rằng bên cạnh cấu trúc nhà nước, sự mở rộng, tham gia và hợp tác lẫn nhau của công dân trong các tổ chức xã hội là cái tạo ra sự khác biệt giữa các xã hội hòa hợp, thù địch hay chiến tranh, tạo nên các nhân tố chủ chốt xác định một quốc gia thành công hay thất bại trong sự phát triển.

Phát triển kinh tế: Tác động tích cực của mạng lưới xã hội đến sự phát triển kinh tế được nhiều học giả nhắc đến. Nghiên cứu của Woolcock và Narayan (2002) nhấn mạnh về các quan hệ xã hội cung cấp các cơ hội để huy động các nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng, bản chất và phạm vi của các tương tác giữa các cộng đồng và các thể chế nắm giữ triển vọng của sự phát triển trong một xã hội. Đáng lưu ý là các học giả này cũng cho thấy ảnh hưởng

của mạng lưới xã hội đối với phát triển kinh tế ở các cấp độ khác nhau.

Đối với cấp độ vĩ mô: Tác giả N. Bandelj (2002, tr. 411) đã chỉ ra điều này khi ông nghiên cứu mối quan hệ giữa các quốc gia tại Trung và Đông Âu trong đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Phân tích của tác giả cho thấy các nhân tố làm cho một quốc gia thiết lập nên những liên kết mạnh đối với các hợp tác xuyên quốc gia, trong khi một số quốc gia khác lại giảm đi khả năng hòa hợp chặt chẽ vào kinh tế thế giới. Ông kết luận là có mức độ ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối liên minh chính trị, sự di dân, thương mại và các liên kết văn hóa giữa các nhà đầu tư với các nước chủ nhà lên nguồn chảy FDI. Chính các mối liên kết đó mới tác động tới dòng chảy FDI chứ không hẳn là các yếu tố thường được nhấn mạnh như tiềm năng thị trường và môi trường chính trị của các nước.

Đối với cấp độ vi mô: Các nghiên cứu cho thấy vai trò của mạng lưới xã hội trong việc tạo công ăn việc làm và giảm thất nghiệp. Granovetter (1983, tr. 205) đã phân tích các trường hợp thực tế cho thấy rằng: thay đổi việc làm là nguồn gốc quan trọng tạo nên khả năng và cơ hội di động của các chủ thể (cá nhân, nhóm, cộng đồng). Khi một người thay đổi việc làm, anh ta không chỉ chuyển từ một mạng lưới này tới một mạng lưới khác, mà còn thiết lập nên một liên kết giữa chúng. Tác giả (Lin, Ensel và Vaughn, 1981) cũng tìm hiểu mối quan hệ giữa

sức mạnh liên kết và vị thế nghề nghiệp. Nhóm tác giả này cho rằng các liên kết yếu có ảnh hưởng tích cực lên vị thế nghề nghiệp chỉ khi chúng kết nối với các cá nhân có vị thế cao. Đối với các vị thế thấp, liên kết yếu giữa các vị thế tương đương thì không đem lại sự khác biệt để nắm bắt cơ hội như là các quan hệ nối kết hoặc thang bậc.

Tác động tiêu cực của mạng lưới xã hội

Ngoài việc chỉ ra tác động tích cực của mạng lưới xã hội thì các nghiên cứu nước ngoài cũng chỉ ra tác động tiêu cực của mạng lưới xã hội đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.

Loại trừ người ngoài: Nghiên cứu của Waldinger (1995, tr. 57) chỉ ra các mối quan hệ tương đồng có thể tạo điều kiện dễ dàng và thúc đẩy hiệu quả các giao dịch kinh tế giữa các thành viên, nhưng lại ngăn trở người ngoài tham gia (1995, tr. 557). Tác giả Putnam (1997) trong công trình nghiên cứu của ông cũng lý giải hạn chế của mạng lưới xã hội, các cố kết chặt chẽ bên trong nhóm làm cho việc mở rộng nhóm rất khó khăn và ngăn trở sự tham gia từ bên ngoài của các tác nhân khác.

Đòi hỏi thái quá với thành viên nhóm: Geertz (1963) đã chỉ ra trường hợp các nhà kinh doanh ở Bali thường xuyên bị thành viên lưới biếng trong nhóm (họ hàng) đòi hỏi xin việc và xin cho vay. Những đòi hỏi này như là mệnh lệnh làm cho các nhà kinh doanh ở Bali phải đáp ứng và hỗ trợ

những người họ hàng của mình. Vấn đề này gây ra tình trạng chán nản và hạn chế sự sáng tạo của các thành viên tích cực trong nhóm. Tác giả Portes (1998) cũng nhấn mạnh điều này có thể làm tiêu tan cơ hội để tích lũy của cải và thành công.

Hạn chế tự do cá nhân: Theo Portes (1998, tr. 16), sự kiểm soát chặt chẽ của nhóm, chẳng hạn của nhóm gia đình cha mẹ đối với không gian vui chơi của con cái đã vô tình làm mất đi sự tự do của chúng. Ông cũng cho rằng sự kìm kẹp các thành viên trong nhóm có nguy cơ đè nén và nảy sinh tham vọng trốn chạy khỏi nhóm của cá nhân. Tác giả Fukuyama (2002) trong nghiên cứu của mình cũng chỉ ra tác dụng của chủ nghĩa gia đình đối với các hoạt động kinh tế nhưng nó cũng lại là hậu quả vì thiếu niềm tin giữa những người xa lạ.

3. MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU MẠNG LƯỚI XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Như đã trình bày, tiếp cận nghiên cứu mạng lưới xã hội được quan tâm và phát triển mạnh tại các quốc gia phát triển ở phương Tây từ giữa thế kỷ XX, chủ đề này cũng thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các học giả ở Châu Á. Trào lưu nghiên cứu mạng lưới xã hội mới phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam trong những năm gần đây. Tuy nhiên, khi bàn về hướng tiếp cận này cũng phải kể đến một số kết quả nghiên cứu trước đó về các quan hệ xã hội ở nông thôn.

Mạng lưới xã hội và các quan hệ xã hội ở nông thôn

Có thể nói đây là hướng nghiên cứu được giới khoa học xã hội trong nước quan tâm khá sớm, thể hiện trong các công trình của Nguyễn Văn Huyền, Đào Duy Anh, Từ Chi, Phan Đại Doãn, Bùi Quang Dũng, Mai Văn Hai,... Mặc dù nghiên cứu của các tác giả này không tiếp cận từ góc độ mạng lưới xã hội nhưng các công trình nghiên cứu lại phản ánh khá rõ mạng lưới xã hội ở nông thôn như gia đình, dòng họ và các tổ chức cộng đồng. Chẳng hạn, trong công trình *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ* của tác giả Từ Chi (1984) cho thấy xã hội nông thôn Việt Nam với một hệ thống mạng lưới quan hệ xã hội kết hợp với nhau trong một chỉnh thể đa dạng, phong phú. Quan hệ địa vực như xóm, ngõ, tổ liên gia; quan hệ nghề nghiệp như phường nghề, hội nghề; quan hệ tín ngưỡng như hội chùa, hội đền; quan hệ theo lớp tuổi như giáp, hội đồng niên, v.v... Nghiên cứu của Mai Văn Hai (2000) về *Quan hệ dòng họ ở châu thổ sông Hồng* đã cho thấy dòng họ ở các làng thuộc châu thổ sông Hồng có vai trò rất lớn trong đời sống kinh tế - xã hội của cá nhân, gia đình và cộng đồng, thể hiện qua sự tương trợ lẫn nhau trong các hoạt động sản xuất, qua những sự kiện hệ trọng của cá nhân và gia đình như cưới xin, ma chay, xây dựng nhà cửa..., và quản lý cộng đồng. Trong các nghiên cứu về *Mâu thuẫn và hòa giải ở nông thôn Việt Nam*, tác giả Bùi Quang Dũng (1999, 2000, 2001) đã cho thấy rõ các loại hình mâu thuẫn trong cộng đồng và lý giải sự tham gia của các tổ

chức/mạng lưới xã hội trong việc giải quyết các xích mích đang tồn tại trong cộng đồng nông thôn.

Các nghiên cứu phân tích quan hệ xã hội ở nông thôn từ góc nhìn mạng lưới xã hội được phát triển rõ ràng hơn vào những năm đầu của thế kỷ XXI trong các nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Anh, Lê Bạch Dương, Nông Bằng Nguyên.

Chẳng hạn, tác giả Nguyễn Tuấn Anh (2001) trong nghiên cứu về quan hệ dòng họ ở một làng Bắc Trung Bộ đã chỉ ra dòng họ như là một mạng lưới xã hội có tác động trong các quan hệ sản xuất nông nghiệp, cơ hội học hành và thăng tiến cá nhân. Một nghiên cứu khác của Lê Bạch Dương và các tác giả khác (2005) cũng chỉ ra mối quan hệ của mạng lưới xã hội trong cộng đồng với tình trạng kinh tế của hộ gia đình. Các hộ gia đình nào càng tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng (tức là tham gia nhiều mạng lưới trong cộng đồng) thì thu nhập càng cao. Trong một nghiên cứu trường hợp các hộ kinh tế tại xã Mỹ Lộc, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, tác giả Nông Bằng Nguyên (2007) cũng đề cập đến sự di động và mở rộng mạng lưới xã hội của các hộ gia đình trong cộng đồng này. Đáng chú ý là trong nghiên cứu của Bé Quỳnh Nga và cộng sự (2007, 2008) tại một số xã ở đồng bằng sông Hồng đã cho thấy vai trò của các mạng lưới xã hội ở nông thôn trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro và cải thiện sinh kế cho các nhóm

hộ gia đình. Nghiên cứu của Bùi Quang Dũng và Đặng Thị Việt Phương (2008) cũng trả lời câu hỏi tại sao người dân nông thôn tham gia vào các tổ chức tự nguyện gồm các hội nghề nghiệp, hội theo sở thích, hội theo nhóm tuổi,... Nghiên cứu này cũng chỉ ra các hội này được xây dựng và thành lập mang tính tự nguyện, liên kết giữa các thành viên trong cộng đồng nhằm hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau.

Mạng lưới xã hội và phát triển sản xuất kinh doanh

Hướng nghiên cứu này thu hút sự quan tâm của các học giả trong và ngoài nước. Chẳng hạn, nghiên cứu của S. Appold và các tác giả khác (1995) tại một doanh nghiệp sản xuất nhỏ ở Hà Nội đã cho thấy rất rõ vai trò của gia đình trong việc giúp đỡ vốn để khởi nghiệp kinh doanh. Trong các nghiên cứu của Nguyễn Quý Thanh (2005, 2008) tiếp tục cho thấy tầm quan trọng của các quan hệ trong gia đình đối với sự phát triển kinh doanh nhỏ ở Việt Nam và Hàn Quốc. Điểm đáng lưu ý mà nghiên cứu này đưa ra là nếu như doanh nghiệp Hàn Quốc kỳ vọng nhiều vào các quan hệ gia đình trong việc tạo vốn khởi nghiệp và vốn lưu động thì ở Việt Nam các doanh nghiệp chủ yếu dựa vào gia đình như một nguồn lao động.

Mạng lưới xã hội và tìm kiếm việc làm, di cư

Nghiên cứu đầu tiên quan tâm hướng này phải kể đến là công trình của Đặng Nguyên Anh (1997), tác giả đã

ứng dụng quan điểm mạng lưới xã hội để xem xét vai trò mạng lưới xã hội trong quá trình di cư. Cụ thể là dựa vào nguồn số liệu khảo sát “Di cư và sức khỏe” (1997) tại 4 tỉnh thành, tác giả chỉ ra vai trò của mạng lưới xã hội đến quyết định di chuyển và lựa chọn nơi chuyển đến, quá trình thích ứng với cuộc sống ở thành thị (hình thức trợ giúp tại nơi tái định cư) cũng như thu nhập và tiền chuyển về cho gia đình người di cư. Điều lý thú là nghiên cứu đã chỉ ra vai trò của các quan hệ gia đình và người thân trong việc quyết định di chuyển. Tác giả Lê Ngọc Hùng (2003) dựa vào lý thuyết mạng lưới xã hội đã phân tích trường hợp tìm kiếm việc làm của các sinh viên. Tác giả đã khái quát lý thuyết thành ba kiểu mô hình mạng lưới: kiểu truyền thống, dựa vào quan hệ gia đình kiếm việc; kiểu hiện đại, dựa vào các quan hệ chức năng với cơ quan tổ chức và thiết chế của thị trường; kiểu hỗn hợp, kết hợp hai kiểu trên. Điều đáng quan tâm là nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên đặt hy vọng tìm kiếm việc làm thông qua quan hệ gia đình. Lê Bạch Dương, Khuất Thu Hồng (2008) trong một nghiên cứu khác cũng đề cập đến mạng lưới xã hội trong di cư đã nhấn mạnh: mạng lưới xã hội cung cấp cơ sở để các hộ gia đình thực hiện các chuyến di cư, cung cấp “vốn xã hội” (không chỉ là tiền mà còn là những hỗ trợ ban đầu), cung cấp nguồn thông tin cũng như những giúp đỡ trực tiếp khác về tinh thần, tình cảm, giúp người di cư tìm được cơ

hội và đối phó với rủi ro, thách thức. Nghiên cứu cũng chỉ ra một số khía cạnh tiêu cực như việc làm được giới thiệu không ổn định, nguy hiểm, nơi cư trú được giới thiệu không an toàn,...

4. MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ BÀN LUẬN

Các nghiên cứu nước ngoài đã có đóng góp rất đa dạng, đa chiều trong cách tiếp cận, cách nhìn về mạng lưới xã hội, dùng mạng lưới xã hội vào lý giải quan hệ xã hội ở các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Các nghiên cứu cũng cho thấy rõ nội hàm khái niệm và các quan điểm khác nhau về mạng lưới xã hội. Điều đáng lưu ý là các nghiên cứu ở nước ngoài đã chỉ ra ảnh hưởng của mạng lưới xã hội ở cấp độ vĩ mô, vi mô; ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của mạng lưới xã hội đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ thực hiện chủ yếu ở các quốc gia phát triển, chưa quan tâm về mạng lưới xã hội, đặc biệt ở cộng đồng nông thôn, của các quốc gia đang phát triển như Việt Nam – nơi cũng có mạng lưới xã hội với nhiều cấp độ và loại hình khác nhau: cấp độ chính thức, phi chính thức, loại hình nhà nước, loại hình tự nguyện. Hơn nữa, các nghiên cứu của nước ngoài cũng chưa đề cập đến sự liên kết của cá nhân trong và ngoài mạng lưới, hay nói cách khác là “liên kết liên mạng lưới” trong cộng đồng xã hội nông thôn.

Điểm luận tài liệu nghiên cứu trong nước cho thấy các nghiên cứu mạng

lưới xã hội ở Việt Nam có đóng góp nhất định trong việc nhận thức cơ sở lý luận và thực tiễn về mạng lưới xã hội ở nước ta. Các nghiên cứu tổng quan lý thuyết, phương pháp đã bước đầu chuyển tải các khái niệm, quan điểm lý thuyết và phương pháp phân tích mạng lưới xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu thực nghiệm vẫn đơn lẻ, tản mạn ở vài chủ đề, cho dù đã phần nào phản ánh tác động của mạng lưới xã hội đối với đời sống cá nhân và gia đình. Có thể thấy rằng hạn chế hay khoảng trống lớn nhất hiện nay là chưa có một nghiên cứu nào quan tâm đến quan hệ trao đổi trong hệ thống mạng lưới xã hội nông thôn một cách đầy đủ, bao gồm mạng lưới chính thức (tổ chức chính quyền) và phi chính thức (hội, nhóm, câu lạc bộ...), để từ đó lý giải quá trình tương tác của cá nhân trong và ngoài mạng lưới, liên mạng lưới trong xã hội nông thôn. Trong bối cảnh đó, việc thiết kế các nghiên cứu thực nghiệm với quy mô mẫu tại các cộng đồng nông thôn, sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành, đặc biệt là nhân học và xã hội học là rất cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ cho phép hiểu rõ các quan hệ trao đổi trong và ngoài mạng lưới, và ảnh hưởng của nó đến đời sống cá nhân, gia đình và phát triển cộng đồng nông thôn Việt Nam ở phạm vi cộng đồng, vùng miền. Các kết quả nghiên cứu triển khai theo hướng này sẽ góp phần lấp đầy khoảng trống về nhận thức còn đang bỏ ngỏ hiện nay. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Alejandro Portes. 2003. "Vốn xã hội: Nguồn gốc và những áp dụng nó trong xã hội học hiện đại". *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
2. Appold, Stephen J; Nguyễn Quý Thanh, Lê Ngọc Hùng, and John Kasarda. 1995. *Family and Friends in Small- Scale Business, an Exploratory Study of Industrial District in Hanoi*. This Research Paper had been Presented at the 1995 Southern Sociological Society Meetings, Atlanta, Georgia April 6-8.
3. Bandelj, Nina. 2002. "Embedded Economies: Social Relations as Determinants of Foreign Direct Investment in Central and Eastern Europe". *Social Forces* 81 (2).
4. Bary Wellman and Stephen D. Berkowitz. 1988. *Social Structures: A Network Approach*. JAI Press.
5. Bế Quỳnh Nga và cộng sự. 2008. *Vai trò của các mạng lưới xã hội trong việc tiếp cận các dịch vụ tài chính và đối phó với các rủi ro cho các hộ nông dân (khảo sát tại xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội)*. Đề tài cấp Viện Xã hội học, Hà Nội.
6. Bourdieu, Pierre. 1986. *The Forms of Capital*. In *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, Edited by J.G. Richardson. New York: Greenwood.
7. Bùi Quang Dũng. 2001. "Hòa giải ở nông thôn miền Bắc". *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
8. Bùi Quang Dũng. 2002. "Giải quyết xích mích trong nhóm gia đình: Phác thảo từ kết quả nghiên cứu định tính". *Tạp chí Xã hội học*, số 1.
9. Bùi Quang Dũng. 2007. *Xã hội học nông thôn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. Coleman, James. 1988. "Social Capital in the Creation of Human Capital". *American Journal of Sociology* 44.
11. Đặng Thị Việt Phương và Bùi Quang Dũng. 2011. "Các tổ chức xã hội tự nguyện ở nông thôn Đồng bằng sông Hồng: Liên kết và các trao đổi xã hội". *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
12. Đào Duy Anh. 1938. *Việt Nam văn hóa sử cương*. Huế: Quan Hải Tùng thư xuất bản.
13. Fukuyama, Francis. 2001. "Social Capital, Civil Society and Development". *Third World Quarterly* 22.
14. Geertz. 1963. *Peddlers and Prince: Social Development and Economic Change in Two Indonesian Towns*. University of Chicago Press.
15. Giddens, Anthony. 1996. *Social Theory and Modern Sociology*. Stanford, Stanford University Press.
16. Lê Bạch Dương, Khuất Thu Hồng. 2008. *Lao động xuất khẩu từ Việt Nam sang các nước Châu Á*. Báo cáo của Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội.
17. Lê Ngọc Hùng. 2003. "Lý thuyết và phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội: Trường hợp tìm kiếm việc làm của sinh viên". *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
18. Lene Hjollund, Martin Paldam, Gert Tinggaard Svendsen. 2001. *Social Capital in Russia and Denmark: A Comparative Study* (www.gov.si/zmar/conference/2001/pdf-konf/17-paldam.pdf).
19. Lin, N., W. Ensel and J. Vaughn. 1981. "Social Resources and Strength of Ties: Structural Factors in Occupational Status Attainment". *American Sociological Review*, 8/1981.

20. Mai Văn Hai. 2000. *Quan hệ dòng họ ở châu thổ sông Hồng*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
21. Mark Granovetter. 1973. "The Strength of Weak Ties". *American Journal of Sociology*. Vol 78.
22. Marshall, 2010. *Từ điển xã hội học Oxford* (Bùi Thế Cường và cộng sự dịch). Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
23. Nguyễn Quý Thanh. 2005. "Sự giao thoa giữa vốn xã hội với các giao dịch kinh tế trong gia đình: So sánh gia đình Việt Nam và gia đình Hàn Quốc". *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
24. Nguyễn Từ Chi. 2003. *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
25. Nguyễn Tuấn Anh. 2001. *Quan hệ dòng họ ở một làng Bắc Trung Bộ hiện nay*. Luận án thạc sĩ Xã hội học.
26. Nguyễn Văn Huyền, 2003 [1939]. *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
27. Nông Bằng Nguyên. 2007. *Mạng lưới xã hội trong phát triển kinh tế hộ gia đình ở xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An*. Báo cáo Paper Working.
28. Phan Đại Doãn. 2004. *Mấy vấn đề về văn hóa làng xã Việt Nam trong lịch sử*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
29. Putnam, Robert D. 2000. *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*. New York, etc.: Simon & Schuster.
30. Trần Từ. 1984. *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
31. Woolcock, Michael (1998), "Social Capital and Economic Development: Toward a Theoretical Synthesis and Policy Framework". *Theory and Society*, 27(2).
32. Woolcock, M. and D. Narayan. 2000. "Social Capital: Implications for Development Theory, Research, and Policy". *World Bank Research Observer*, Vol. 15(2).
33. Yee Jaeyeol and Eun Young Nam. 2008. "The social capital of Koreans Determinants of Personal Ties and its Effect". *Korean Journal of Sociology* 42 (In Korean).